

Số: 97 /2020/QĐST-HNGĐ

Sơn Trà, ngày 17 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc HNGĐ thụ lý số 117/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Dương Minh Đ - Sinh năm: 1982. Trú tại: Tổ M, phường Thọ Q, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Bà Trần Thị T - Sinh năm: 1982. Trú tại: Tổ M, phường Thọ Q, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Đơn yêu cầu của ông Dương Minh Đ và bà Trần Thị T nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Dương Minh Đ và bà Trần Thị T kết hôn tại Giấy chứng nhận kết hôn số 94/2011, tại UBND phường Thọ Q, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/4/2007. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải ông Dương Minh Đ trình bày ý kiến:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Trần Thị T có đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại UBND phường Thọ Q, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại Tổ M, phường Thọ Q, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng tôi sống hạnh phúc đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau về tình cảm, không hiểu nhau nên hay cãi vã. Mâu thuẫn được hai bên gia đình giải

hòa nhưng không có kết quả. Nay về tình cảm chúng tôi xác định không còn yêu thương nhau nữa, nên chúng tôi quyết đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho chúng tôi.

- Về nuôi con chung: Tôi và bà Trần Thị T xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Dương Minh T, sinh ngày 16.05.2008 và Dương Bảo Q, sinh ngày 19.02.2013. Tôi và bà T thỏa thuận, thống nhất giao con chung là Dương Minh T cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và Dương Bảo Q cho tôi trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tôi xác định tôi và bà Trần Thị T không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Tôi xác định tôi và bà Trần Thị T không có nợ chung.

* Ý kiến của bà Trần Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Dương Minh Đ có đăng kết hôn vào năm 2007 tại UBND phường Thọ Q, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại Tổ M, phường Thọ Q, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng tôi sống hạnh phúc đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau về tình cảm, không hiểu nhau nên hay cãi vã. Mâu thuẫn được hai bên gia đình giải hòa nhưng không có kết quả. Nay về tình cảm chúng tôi xác định không còn yêu thương nhau nữa, nên chúng tôi quyết đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho chúng tôi.

- Về nuôi con chung: Tôi và ông Dương Minh Đ xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Dương Minh T, sinh ngày 16.05.2008 và Dương Bảo Q, sinh ngày 19.02.2013. Tôi và ông Đ thỏa thuận, thống nhất giao con chung là Dương Bảo Q cho tôi nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và Dương Minh T cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tôi không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tôi xác định tôi và ông Dương Minh Đ không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Tôi xác định tôi và ông Dương Minh Đ không có nợ chung.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Dương Minh Đ và bà Trần Thị T thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông Đ và bà T lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông Đ và bà T đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông Đ và bà T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Đ và bà T là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Bà Trần Thị T và ông Dương Minh Đ xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Dương Minh T, sinh ngày 16.05.2008 và Dương Bảo Q, sinh ngày 19.02.2013. Ly hôn Bà T và ông Đ thỏa thuận, thống nhất giao con chung là Dương Bảo Q cho bà T nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi

và Dương Minh T cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

[5] Về nợ chung: Ông Dương Minh Đ và bà Trần Thị T xác định không có nợ chung.

[6] Về tài sản chung: Ông Dương Minh Đ và bà Trần Thị T xác định không có tài sản chung.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Dương Minh Đ và bà Trần Thị T phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ do ông Dương Minh Đ và bà Trần Thị T đã nộp tại biên lai thu số 0006102 ngày 01/06/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn ông Dương Minh Đ và bà Trần Thị T (*Giấy chứng nhận kết hôn số 94/2011, tại UBND phường Thọ Q, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/4/2007 không còn giá trị pháp lý*).

- Về nuôi con chung: Bà Trần Thị T và ông Dương Minh Đ xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Dương Minh T, sinh ngày 16.05.2008 và Dương Bảo Q, sinh ngày 19.02.2013. Ly hôn Bà T và ông Đ thỏa thuận, thống nhất giao con chung là Dương Bảo Q cho bà T nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và Dương Minh T cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung;

- Về quan hệ nợ chung: Ông Dương Minh Đ và bà Trần Thị T xác định không có nợ chung.

- Về tài sản chung: Ông Dương Minh Đ và bà Trần Thị T xác định không có tài sản chung.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Dương Minh Đ và bà Trần Thị T phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ do ông Dương

Minh Đ và bà Trần Thị T đã nộp tại biên lai thu số 0006102 ngày 01/06/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- UBND phường Thọ Q;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

DƯƠNG THỊ KIM NHUNG